

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **70/2020/HNGĐ- ST**

Ngày: 18 – 9 - 2020

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điền

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Mai Lương Anh**

+ Ông **Nguyễn Minh Sơn**

Thư ký phiên tòa: ông **Hoàng Ngọc Trung Dũng** - Là thư ký Tòa án của
Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham
gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Thanh Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt,
tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2020/TLST-
HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 66/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa
số 44/2020 ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Quốc B**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: số X , thôn A, xã H, thành phố L, tỉnh Đ.

Bị đơn: Chị **Lê Nguyễn Hải M**(còn gọi **Lê Nguyễn Thị Hải M**), sinh năm 1991

Địa chỉ: số X, thôn A, xã H, thành phố L, tỉnh Đ.

(Anh B có mặt, chị M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 6 năm 2020 nộp tại Tòa án thành
phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn
anh **Phạm Quốc B** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Phạm Quốc B** kết hôn cùng với chị **Lê Nguyễn
Hải M** (**Lê Nguyễn Thị Hải M**) vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban
nhân dân xã T, thành phố L, tỉnh Đ. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, được sự

đồng ý của hai gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại số X, thôn A, xã H, thành phố L, tỉnh Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị M không lo cho gia đình, chồng con, chị M có người đàn ông khác vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã không lúc nào yên ổn trong gia đình. Anh B cũng đã tha thứ cho chị M nhiều lần, tìm mọi cách để hòa giải để gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh Bảo xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn chị Lê Nguyễn Hải M (Lê Nguyễn Thị Hải M).

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 19/5/2009. Hiện nay đang ở với ba (anh B), ly hôn theo nguyện vọng của cháu là được ở với anh B và anh B cũng mong muốn được nuôi con, anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng chị My cũng không đến tòa. Nên tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay: anh B yêu cầu xin ly hôn chị M và yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Vụ án thụ lý đúng trình tự theo luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quốc B và chị Lê Nguyễn Thị Hải M (Lê Nguyễn Hải M) là hợp pháp, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M không lo cho gia đình chồng con, chị M có người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh B.

Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 19/5/2009 cho anh Phạm Quốc B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên anh Bảo không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết

Nợ chung: Không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*:

Anh Phạm Quốc B yêu cầu ly hôn chị Lê Nguyễn Thị Hải M (Lê Nguyễn Hải M), nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Xin ly hôn*” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay chị M trú tại số X, thôn A, xã H, thành phố L, tỉnh Đ, nên căn cứ Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Đ giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: anh Phạm Quốc B và chị Lê Nguyễn Thị Hải M (Lê Nguyễn Hải M) có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chị M không lo cho gia đình chồng con, chị M có người đàn ông khác bên ngoài, từ đó gia đình thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, anh B cũng cho chị M nhiều cơ hội để sửa lỗi lầm, để có gia đình hạnh phúc nhưng chị M vẫn không thay đổi.

Tại phiên tòa hôm nay chị M vắng mặt, anh B không đồng ý đoàn tụ gia đình và xác định tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên xin được ly hôn chị M.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị M đã được triệu tập, tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vẫn không đến tòa thể hiện sự không tôn trọng pháp luật, không mong muốn đoàn tụ gia đình. Qua lời khai của anh B tại phiên tòa thể hiện sự mâu thuẫn của vợ chồng là có xảy ra thực tế. Tại biên bản xác minh nơi khu phố thể hiện việc mâu thuẫn của vợ chồng, khu phố không biết nên không có cơ sở để hòa giải. Do đó áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Quốc B.

[4] *Về con chung*: anh B xác định vợ chồng có một con chung tên Phạm Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 19/5/2009, hiện nay đang ở với ba (anh B). Để đảm bảo quyền lợi, sự phát triển bình thường của trẻ em cũng như theo nguyện vọng

của cháu T là được ở với ba. Nên tiếp tục giao cháu Phạm Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 19/5/2009 cho anh Phạm Quốc B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[5] *Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con*: anh B không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

[7] *Về nợ chung*: Không có.

[8] *Về án phí*: anh Phạm Quốc B chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Quốc B. Cho anh Phạm Quốc B và chị Lê Nguyễn Thị Hải M (Lê Nguyễn Hải M) được ly hôn.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1 Giao con con chung tên Phạm Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 19/5/2009 cho anh Phạm Quốc B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

2.2 *Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con*: anh B không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về án phí*: anh Phạm Quốc B phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đồng anh B đã tạm nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0017635 ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

Quyền kháng cáo:

Anh Phạm Quốc B có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng chị Lê Nguyễn Thị Hải M (Lê Nguyễn Hải M) vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc (niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND TP L;
- Chi cục THA L;
- UBND, xã Xuân Trường,
TP Đà Lạt.
- Lưu

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Văn Điền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Sơn - Mai Lương Anh

Trần Văn Điền